TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N, TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 170/2018/QĐST- HNGĐ	*Nghĩa H, ngày 29 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 139/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị N - Sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn R, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Phạm Đức Th - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn R, huyện N, tỉnh N.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Phạm Đức Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Phạm Đức Th tự nguyện thỏa thuận xin được thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Phạm Đức Th thỏa thuận giải quyết việc nuôi con chung như sau: Chị Trần Thị N trực tiếp nuôi cháu Phạm Đức T sinh

ngày 29/10/2006 và cháu Phạm Thanh Tr sinh ngày 03/11/2014 (hiện chị Ninh đang quản lý nuôi dưỡng cháu Phạm Đức T và cháu Phạm Thanh Tr). Anh Phạm Đức Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị N đối với cháu Phạm Đức T và cháu Phạm Thanh Tr. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị N và anh Phạm Đức Th thỏa thuận giải quyết chị N nộp toàn bộ. Chị Trần Thị N phải nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BB/2012/06336 ngày 26/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Hoàn trả lại chị Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND thị trấn R;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng